

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Tiền, Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thu L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 407, ấp TA, xã TB, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Dương Minh Kh, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp TT, xã TPT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L và anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Thái Thị Thu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kh quen biết khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn vì khi đó giấy chứng minh nhân dân của anh Kh bị mất và do công việc của cả hai không có thời gian nên anh chị không đăng ký

kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh Kh thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra, anh Kh còn có quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, chị đã nhiều lần khuyên can anh Kh thay đổi nhưng anh Kh vẫn vậy, chị L cũng đã cho anh Kh cơ hội nhưng anh Kh vẫn qua lại với người phụ nữ đó. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể nào hàn gắn được.

Chị và anh Kh đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu ly hôn anh Kh.

- Về con chung: Có một con tên Dương Nhựt Đ, sinh ngày 14/03/2006 (hiện đang sống với chị L). Chị L yêu cầu nuôi dưỡng Dương Nhựt Đ sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Dương Minh Kh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kh thống nhất theo lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, lý do anh và chị L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là do bận công việc và không am hiểu về pháp luật. Quá trình chung sống, anh nhận ra giữa anh và chị L không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay, anh Kh đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: Có một con tên Dương Nhựt Đ, sinh ngày 14/03/2006 (hiện đang sống với chị L). Khi ly hôn, anh Kh đồng ý để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Dương Nhựt Đ, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị L và anh Kh là vợ chồng;
- Về con chung: Chị L được nuôi con chung tên Dương Nhựt Đ, sinh ngày 14/03/2006 (hiện đang sống với chị L).
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.
- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của chị Thái Thị Thu L về việc yêu cầu ly hôn anh Dương Minh Kh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị L và anh Kh chung sống như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ..”

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau từ năm 2005 cho đến nay, chị L và anh Kh phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị L và anh Kh đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị L và anh Kh đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Từ năm 2009 đến nay chị L và anh Kh không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị L và anh Kh không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..”

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Kh đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn anh Kh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh Kh là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có một con tên Dương Nhựt Đ, sinh ngày 14/03/2006 (hiện đang sống với chị L). Khi ly hôn, chị L và anh Kh thống nhất thỏa thuận, chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng Dương Nhựt Đ, anh Kh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị L và anh Kh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp thực tế khách quan, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Thu L và anh Dương Minh Kh.

2. Về con chung:

- Chị Thái Thị Thu L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Dương Nhựt Đ, sinh ngày 14/03/2006 (hiện đang sống với chị L).

- Anh Dương Minh Kh có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Thái Thị Thu L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp ngày 18/02/2022 theo biên

lai thu số 0000250 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

